

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 29 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				178,697
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	233	8,621,000
	Được chi trong ngày				8,799,697
	Đã chi trong ngày				8,799,697
	1. Dịch vụ				202,280
1	Gas sáng		0	233	0
2	Gas trưa		1,100	52	57,200
3	Gas trưa		801.546961	181	145,080
	2. Kho				1,255,500
	Ăn chính				1,255,500
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	4.5	1,255,500
	3. Đi chợ				7,341,917
	Ăn chính				7,341,917
1	Cà chua	Kg	57,750	5.6	323,400
2	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
3	Hành tây	Kg	36,750	1.1	40,425
4	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
5	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
6	Đường kính	Kg	38,850	5	194,250
7	Cà chua hộp	Hộp	15,120	5	75,600
8	Muối iốt	Gói	5,212	1	5,212
9	Bánh mì chả lụa	Cái	6,500	221	1,436,500
10	Phô mai Con bò cười	Hộp	52,920	1	52,920
11	Tương cà	Chai	16,200	4	64,800
12	Cam sành	Kg	33,600	25	840,000
13	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
14	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
15	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
16	Thịt bò	Kg	336,000	9.2	3,091,200
17	Nui rau củ safoco	Gói	27,000	35	945,000
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				10,316,500
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				183,625,020
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			5,395	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				199,615,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				199,615,000
	Chênh lệch cuối ngày				0

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy